

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
3. Báo cáo kiểm toán	04
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	05 – 08
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	09
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10 – 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 – 24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Thiết kế Xây dựng thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai (Doanh nghiệp Nhà nước) theo Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 24/09/2007 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000499 ngày 18/02/2008, thay đổi lần thứ ba ngày 21/01/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 16.750.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Hoạt động chính của Công ty là:

Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm, công trình dân dụng, công nghiệp. Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước. Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng. Khai thác nước phục vụ công nghiệp. Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo tài chính này (từ trang 05 đến trang 24).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Duy Diệp	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Hội	Thành viên
Ông Trần Chiến Thắng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Thị Thúy Hằng	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Đài Trang	Kiểm soát viên
Bà Bùi Thị Thuận	Kiểm soát viên

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Hội	Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lê Chí Nguyên Thắng	Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT tại thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Phạm Văn Hội
Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2014



Số: 008/2014/BCKT-AAT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 10 tháng 02 năm 2014, từ trang 05 đến trang 24 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty của Công ty đã được kiểm toán bởi chúng tôi và được phát hành dưới dạng ý kiến chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán
và Tư vấn Thuế AAT tại thành phố Hồ Chí Minh



Trương Quang Trung – Giám đốc
Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán
Số: 1752-2013-141-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Phạm Thị Anh Khoa – Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận hành nghề kiểm toán
Số: 1521-2013-141-1

Trụ sở chính:

Add: P.2407 Nhà 34T - Khu ĐTM Trung Hòa - Nhân Chính
Đường Hoàng Đạo Thúy - P. Trung Hòa - Q. Cầu Giấy - TP. Hà Nội

VPGD: P1501 - 17T5 - Đường Hoàng Đạo Thúy - TP. Hà Nội

Tel: 84.4.2.2210082/84.4.2.2413585 - Fax: 84.4.2.2210084

Email: info@aat.com.vn - Website: http://www.aat.com.vn - Tax Code: 0102283607

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Add: Tầng 4 - Tòa nhà Mirae Business Center,
Số 268 Tô Hiến Thành, P.15, Q.10, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 84.8.3979 8188 - Fax: 84.8.3979 8189

Email: aat-hcm@aat.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.418.255.453	34.166.715.260
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	20.056.142.027	23.197.535.572
1. Tiền	111		10.056.142.027	23.197.535.572
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.500.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	2.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.397.999.683	2.382.555.710
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	9.479.072.331	1.912.571.562
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	888.927.352	394.000.520
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		30.000.000	75.983.628
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		188.450.268	3.760.710.574
1. Hàng tồn kho	141	V.4	188.450.268	3.760.710.574
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.775.663.475	2.325.913.404
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.199.077.505	163.388.488
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	7.576.585.970	2.162.524.916

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		32.063.043.287	517.889.023
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		31.973.388.958	517.889.023
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	56.780.100	323.889.455
<i>Nguyên giá</i>	222		5.745.165.250	6.084.540.077
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.688.385.150)	(5.760.650.622)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	31.916.608.858	193.999.568
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		89.654.329	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	89.654.329	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		71.481.298.740	34.684.604.283

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		49.813.609.843	25.926.137.177
I. Nợ ngắn hạn	310		19.813.609.843	25.926.137.177
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	10.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312	V.10	3.246.356.800	6.748.353.976
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	672.577.604	7.186.975.742
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	115.592.089	190.223.926
5. Phải trả người lao động	315	V.13	5.126.254.589	668.711.729
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	543.366.629	11.024.377.692
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.15	109.462.132	107.494.112
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		30.000.000.000	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	30.000.000.000	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.667.688.897	8.758.467.106
I. Vốn chủ sở hữu	410		21.667.688.897	8.758.467.106
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.17	16.750.000.000	6.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17	31.510.500	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.17	1.064.556.520	89.178.337
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.17	372.542.566	255.608.556
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.17	3.449.079.311	1.663.680.213
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		71.481.298.740	34.684.604.283

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 10 tháng 02 năm 2014



Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hội
Giám đốc

TRÁI
DƯ
KẾ T
N N

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2013**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	70.035.047.006	38.181.372.095
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	25.133.709	21.587.193
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	70.009.913.297	38.159.784.902
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	63.363.391.583	34.077.993.787
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.646.521.714	4.081.791.115
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	364.631.051	484.193.702
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		130.942.044	111.395.709
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	2.281.438.306	1.859.074.459
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.598.772.415	2.595.514.649
11. Thu nhập khác	31		-	239.249.246
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	239.249.246
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.598.772.415	2.834.763.895
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	1.149.693.104	496.083.682
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3.449.079.311</u>	<u>2.338.680.213</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	<u>2.132</u>	<u>4.082</u>

Đồng Nai, ngày 10 tháng 02 năm 2014



Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hội
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.598.772.415	2.834.763.895
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.6	143.837.961	456.521.978
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(484.193.702)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.742.610.376	2.807.092.171
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(14.465.194.044)	2.120.678.497
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.572.260.306	(3.661.114.940)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(6.191.248.386)	21.464.364.004
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		79.617.065	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.12	(1.070.972.052)	(955.012.366)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	650.012.488
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.326.180.213)	(1.912.384.048)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(14.659.106.948)	20.513.635.806
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.6, V.7	(31.768.609.290)	(289.491.386)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		2.500.000.000	(6.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	484.193.702
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.268.609.290)	(2.305.297.684)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.9, V.16	40.000.000.000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17	786.322.693	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		40.786.322.693	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.141.393.545)	17.708.338.122
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	23.197.535.572	5.489.197.450
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	20.056.142.027	23.197.535.572

Đồng Nai, ngày 10 tháng 02 năm 2014


Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng



Phạm Văn Hội
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Xí nghiệp Thiết kế Xây dựng thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai (Doanh nghiệp Nhà nước) theo Quyết định số 3058/QĐ-UBND ngày 24/09/2007 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000499 ngày 18/02/2008, thay đổi lần thứ ba ngày 21/01/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 16.750.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây lắp, dịch vụ, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm, công trình dân dụng, công nghiệp. Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cấp nước. Giám sát thi công lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng. Khai thác nước phục vụ công nghiệp. Sản xuất sản phẩm kim loại ngành xây dựng (không sản xuất tại trụ sở).



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

8. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

11. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền		
Tiền mặt	5.654.509	133.054.237
Tiền gửi ngân hàng (*)	10.050.487.518	23.064.481.335
Các khoản tương đương tiền (**)	10.000.000.000	-
Cộng	20.056.142.027	23.197.535.572

(*) Chi tiết

	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	9.924.945.198
Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Sở giao dịch Đồng Nai	125.542.320

Cộng 10.050.487.518

(**) Là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.

2. Phải thu khách hàng

Đây là các khoản phải thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	5.272.509.563	-
Ban Quản lý dự án Thành phố Biên Hòa	2.868.246.277	749.987.736
Công ty Cổ phần Miền Đông Đầu tư Hạ tầng	387.231.059	325.449.059
Ủy ban nhân dân phường Long Bình	303.340.706	-
Tiền nước Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai thu hộ	224.028.164	-
Công ty TNHH Pouchen Việt Nam	159.817.800	167.406.500
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Biên Hòa	149.708.534	-
Các đối tượng khác	114.190.228	669.728.267
Cộng	9.479.072.331	1.912.571.562

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán

Đây là khoản trả trước cho nhà cung cấp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nước Môi trường và Hạ tầng Kỹ thuật Sài Gòn	521.950.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	366.977.352	-
Nhà cung cấp khác	-	394.000.520
Cộng	888.927.352	394.000.520

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	64.171.622	68.889.622
Công cụ, dụng cụ	124.278.646	45.852.512
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	3.645.968.440
Cộng	188.450.268	3.760.710.574

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng của nhân viên (*)	957.209.916	925.524.916
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (**)	6.619.376.054	1.237.000.000
Cộng	7.576.585.970	2.162.524.916

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trần Hữu Hoàn	292.000.000	220.000.000
Phạm Ngọc Tú	284.500.000	277.030.000
Đinh Thế Tùng Quân	118.862.375	30.533.716
Lương Thành Nở	75.000.000	12.000.000
Các đối tượng khác	186.847.541	385.961.200
Cộng	957.209.916	925.524.916

(**) Đây là khoản ký quỹ ký cược với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, trong đó:

	Số cuối năm
Ký quỹ mở LC tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	2.580.421.920
Công trình thi công tuyến ống cấp nước mới vào Khu công nghiệp Loteco	3.038.235.541
Bảo hành Công trình Khu Công nghiệp Long Đức	612.500.000
Gói thầu số 2: Xây lắp Hệ thống cấp nước dự án nâng cấp mở rộng	240.356.000
Công trình thi công hệ thống cấp nước đường N1 - Khu dân cư phía Nam	74.592.593
Công trình xây dựng hai tầng Khu tái định cư xã Tân Hạnh gói thầu S	73.270.000
Cộng	6.619.376.054

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.129.855.200	1.740.446.627	3.061.017.070	153.221.180	6.084.540.077
Tăng trong năm	-	46.000.000	-	-	46.000.000
Mua sắm mới	-	46.000.000	-	-	46.000.000
Giảm trong năm	-	(264.491.646)	-	(120.883.181)	(385.374.827)
Số cuối năm	1.129.855.200	1.521.954.981	3.061.017.070	32.337.999	5.745.165.250
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	83.106.000	1.434.600.981	2.609.228.066	32.337.999	4.159.273.046
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.028.052.880	1.586.130.534	3.053.766.301	92.700.907	5.760.650.622
Tăng trong năm	101.802.320	26.724.100	7.250.769	8.060.772	143.837.961
Khấu hao trong năm	101.802.320	26.724.100	7.250.769	8.060.772	143.837.961
Giảm trong năm	-	(147.679.753)	-	(68.423.680)	(216.103.433)
Số cuối năm	1.129.855.200	1.465.174.881	3.061.017.070	32.337.999	5.688.385.150
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	101.802.320	154.316.093	7.250.769	60.520.273	323.889.455
Số cuối năm	-	56.780.100	-	-	56.780.100

(*) Khu nhà làm việc văn phòng nguyên giá 1.046.749.200 đồng; xe tải ben HD60-1,8 tấn nguyên giá 305.646.147 đồng; xe đào đất B.xích Komatsu PC25 nguyên giá 146.142.857 đồng; xe Toyota Zace 8 chỗ nguyên giá 374.599.177 đồng; xe tải nhẹ Kia Towner 750kg nguyên giá 104.044.762 đồng được đem thế chấp theo hợp đồng số 16/2013/HĐTC-TD cho khoản vay dài hạn tại Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai (Xem thuyết minh V.16).

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Nhà máy xử lý nước Hóa An - Công suất 15.000 m³/ngày.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	169.271.394
Phân bổ chi phí trong năm	(79.617.065)
Số cuối năm	89.654.329

9. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch theo HĐ184/DVXDCN ký ngày 10/12/2013, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất 6,5%/năm.

Tình hình biến động của khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	10.000.000.000
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Phải trả người bán**

Đây là khoản phải trả cho nhà cung cấp phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH ống ngang cầu Đài Việt	1.181.986.300	407.199.100
Ông Phạm Ngọc Tú	1.165.886.000	-
Ông Đinh Thế Tùng Quân	255.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	238.774.800	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phú Hải	134.673.000	-
Các đối tượng khác	270.036.700	6.341.154.876
Cộng	3.246.356.800	6.748.353.976

11. Người mua trả tiền trước

Đây là các khoản khách hàng ứng trước từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư Long Đức	-	7.015.909.091
Liên hiệp Hợp tác xã Dịch Nông nghiệp Tổng hợp Đồng Nai	250.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Chi nhánh số 2	422.577.604	-
Công ty TNHH Phúc Hiếu	-	171.066.651
Cộng	672.577.604	7.186.975.742

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	153.096.457	1.588.608.823	(1.741.705.280)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.566.939	1.149.693.104	(1.070.972.052)	111.287.991
Thuế thu nhập cá nhân	2.870.000	377.493.589	(377.663.589)	2.700.000
Thuế tài nguyên	1.690.530	21.211.212	(21.297.644)	1.604.098
Các loại thuế khác	-	23.689.125	(23.689.125)	-
Cộng	190.223.926	3.160.695.853	(3.235.327.690)	115.592.089

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.598.772.415	2.834.763.895
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
Thu nhập tính thuế	4.598.772.415	2.834.763.895
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.149.693.104	708.690.974
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Thông tư 140/2013/TT-BTC ngày 21/08/2013	-	(212.607.292)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.149.693.104	496.083.682

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 12	477.407.000	306.840.001
Lương tháng 13	3.193.343.858	361.871.728
Quỹ dự phòng 17%	1.455.503.731	-
Cộng	5.126.254.589	668.711.729

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả tiền phát hành cổ phần	-	10.031.510.500
Kinh phí công đoàn	209.595.272	227.437.192
Bảo hiểm xã hội	88.981.098	-
Bảo hiểm y tế	32.216.861	-
Bảo hiểm thất nghiệp	20.073.398	-
Phải trả cổ tức	-	675.000.000
Phải trả phải nộp khác	192.500.000	90.430.000
Cộng	543.366.629	11.024.377.692

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	121.887.556	116.934.010	(133.300.000)	105.521.566
Quỹ phúc lợi	(14.393.444)	116.934.010	(98.600.000)	3.940.566
Cộng	107.494.112	233.868.020	(231.900.000)	109.462.132

16. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai theo HĐ 54/2013/HDTD-TD để đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước Hóa An, công suất 15.000m³/ngày tại xã Hóa An, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Thời hạn vay: 108 tháng;

Lãi suất: 9,6%/năm;

Thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 16/2013/HĐTC-TD ngày 30/09/2013 và thế chấp toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư của dự án.

Tình hình biến động của khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Tăng trong năm	30.000.000.000
Giảm trong năm	-
Số cuối năm	30.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	5.000.000.000	418.839.075	1.084.167.321	177.010.206	1.071.966.991	7.751.983.593
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	2.338.680.213	2.338.680.213
Trích quỹ theo biên bản ĐHCĐ	-	-	89.178.337	78.598.350	(167.776.687)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo biên bản ĐHCĐ	-	-	-	-	(157.196.700)	(157.196.700)
Tăng vốn	1.750.000.000	(418.839.075)	(1.084.167.321)	-	(246.993.604)	-
Chia cổ tức đợt 2 năm 2011	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2012	-	-	-	-	(675.000.000)	(675.000.000)
Số dư cuối năm trước	6.750.000.000	-	89.178.337	255.608.556	1.663.680.213	8.758.467.106
Số dư đầu năm nay	6.750.000.000	-	89.178.337	255.608.556	1.663.680.213	8.758.467.106
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	3.449.079.311	3.449.079.311
Trích quỹ theo biên bản ĐHCĐ	-	-	975.378.183	116.934.010	(1.092.312.193)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo biên bản ĐHCĐ	-	-	-	-	(233.868.020)	(233.868.020)
Tăng vốn	10.000.000.000	31.510.500	-	-	-	10.031.510.500
Chia cổ tức đợt 2 năm 2012	-	-	-	-	(337.500.000)	(337.500.000)
Số dư cuối kỳ	16.750.000.000	31.510.500	1.064.556.520	372.542.566	3.449.079.311	21.667.688.897

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	6.030.000.000	3.442.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.720.000.000	3.307.500.000
Cộng	16.750.000.000	6.750.000.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	337.500.000	500.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	675.000.000
Cộng	337.500.000	1.175.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.675.000	675.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	1.675.000	675.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.675.000	675.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.675.000	675.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.675.000	675.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	70.035.047.006	38.181.372.095
<i>Doanh thu cấp nước</i>	<i>2.121.121.200</i>	<i>2.195.258.100</i>
<i>Doanh thu hoạt động xây lắp</i>	<i>67.913.925.806</i>	<i>35.986.113.995</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	25.133.709	21.587.193
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>25.133.709</i>	<i>21.587.193</i>
Doanh thu thuần	70.009.913.297	38.159.784.902
Trong đó:		
- <i>Doanh thu cấp nước</i>	<i>2.121.121.200</i>	<i>2.195.258.100</i>
- <i>Doanh thu hoạt động xây lắp</i>	<i>67.888.792.097</i>	<i>35.964.526.802</i>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động cấp nước	126.184.434	501.834.621
Giá vốn hoạt động xây lắp (*)	63.237.207.149	33.576.159.166
Cộng	63.363.391.583	34.077.993.787

()Giá vốn hoạt động xây lắp:*

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	28.318.481.074	20.315.498.616
Chi nhân công trực tiếp	24.797.376.895	12.194.604.646
Chi phí sử dụng máy thi công	-	773.756.286
Chi phí sản xuất chung	6.475.380.740	3.938.268.058
Tổng chi phí sản xuất	59.591.238.709	37.222.127.606
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(3.645.968.440)	3.645.968.440
Giá vốn hoạt động xây lắp	63.237.207.149	33.576.159.166

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	144.839.385	222.943.702
Lãi Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai vay	219.791.666	261.250.000
Cộng	364.631.051	484.193.702

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.453.947.376	1.248.978.001
Chi phí đồ dùng văn phòng	176.162.485	52.250.174
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.060.772	20.349.593
Thuế, phí và lệ phí	48.827.612	31.845.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.876.332	54.968.255
Chi phí bằng tiền khác	481.563.729	450.682.703
Cộng	2.281.438.306	1.859.074.459

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.449.079.311	2.338.680.213
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.449.079.311	2.338.680.213
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.617.466	572.917
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.132	4.082

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	675.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 21 tháng 01 năm 2013	942.466
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.617.466

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	34.669.849.662	20.962.187.699
Chi phí nhân công	24.797.376.895	15.678.633.297
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.837.961	456.521.978
Chi phí dịch vụ mua ngoài	353.600.264	991.359.102
Chi phí khác	2.165.138.711	1.605.730.319
Cộng	62.129.803.493	39.694.432.395

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ bằng công nợ phải trả khác với trị giá 10.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	108.000.000	84.000.000
Thù lao Ban Kiểm soát	90.000.000	60.000.000
Lương Ban Giám đốc	760.620.000	638.622.000
Cộng	958.620.000	782.622.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty cùng tập đoàn

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai		
Cung cấp dịch vụ lắp đặt	64.928.596.456	28.851.330.386
Cung cấp nước	2.121.121.200	-
Trả cổ tức	172.125.000	255.000.000
Cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	2.500.000.000
Lãi vay ngắn hạn	219.791.666	261.250.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch		
Vay tiền	10.000.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai		
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ lắp đặt	5.272.509.563	-
Phải thu tiền nước nhờ thu hộ	224.037.164	-
Cộng nợ phải thu	5.496.546.727	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 52 CMT8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai		
Phải trả người bán	-	6.102.368.050
Phải cổ tức	-	344.250.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch		
Phải trả tiền vay	10.000.000.000	-
Cộng nợ phải trả	10.000.000.000	6.446.618.050

Đồng Nai, ngày 10 tháng 02 năm 2014


Lê Chí Nguyên Thăng
Kế toán trưởng




Phạm Văn Hội
Giám đốc

